

Phụ lục
VỐN SỰ NGHIỆP CHƯƠNG TRÌNH MTQG NĂM 2025 CHUYỂN SANG NĂM 2026 TIẾP TỤC THỰC HIỆN

ĐVT: Đồng

STT	Đơn vị	Số dự dự toán năm 2025 chuyển sang năm 2026	Kinh phí tiếp tục thực hiện các Dự án, tiểu dự án GD 21-25. Hoàn thành trong năm 2026	Kinh phí các Dự án, tiểu dự án không thực hiện được. Điều chỉnh chuyển sang các Dự án khác. Cam kết hoàn thành trong năm 2026	Kinh phí còn lại sau điều chỉnh	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
	TỔNG CỘNG	8.258.182.594	7.311.338.119	946.844.475	8.258.182.594	
I	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	2.394.289.099	1.810.093.599	584.195.500	2.394.289.099	
1	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội	701.910.000	701.910.000		1.286.105.500	Đã bố trí cho các công trình, phòng Kinh tế tiếp tục thực hiện
2	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	46.596.000	46.596.000		46.596.000	Phòng Kinh tế tiếp tục thực hiện
3	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	649.687.099	148.659.599	501.027.500	148.659.599	
	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	348.659.599	148.659.599	200.000.000		Phòng VH-XH cam kết mở 1 lớp đào tạo, hoàn thành và giải ngân trước 31/7/2026. Vốn còn lại điều chỉnh chuyển sang dự án 1
	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	142.200.000		142.200.000		Điều chỉnh chuyển sang dự án 1
	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	158.827.500		158.827.500		Điều chỉnh chuyển sang dự án 1
4	Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo	851.000.000	851.000.000		851.000.000	Phòng Kinh tế tiếp tục thực hiện
5	Dự án 6. Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	3.808.000		3.808.000		Điều chỉnh chuyển sang dự án 1
6	Dự án 7. Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	141.288.000	61.928.000	79.360.000	61.928.000	
	Tiểu dự án 1. Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	79.360.000		79.360.000		Điều chỉnh chuyển sang dự án 1
	Tiểu dự án 2. Giám sát, đánh giá	61.928.000	61.928.000			UBMT cam kết thực hiện và giải ngân xong trước 31/7/2026
II	Chương trình MTQG XD NTM	297.070.775	37.821.800	259.248.975	297.070.775	
1	Nội dung thành phần 01: Quy hoạch cho xã nông thôn mới	116.490.575	6.414.000	110.076.575	6.414.000	Điều chỉnh chuyển sang nội dung thành phần số 8
2	Nội dung thành phần 06 Đề án xây dựng và phát triển Trung tâm VH-TT xã, phường thị trấn giai đoạn 2015-2025, định hướng đến năm 2030	726.400		726.400		Điều chỉnh chuyển sang nội dung thành phần số 8
3	Nội dung thành phần 07: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng – xanh – sạch – đẹp, an toàn	83.000.000		83.000.000		Điều chỉnh chuyển sang nội dung thành phần số 8
4	Nội dung thành phần 08: Hỗ trợ chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới	6.000.000	6.000.000		265.248.975	Phòng VH-XH thực hiện mô hình Camera thông minh, hoàn thành và giải ngân trước 30/6/2026.
5	Nội dung thành phần 09 Tuyên truyền, tập huấn, xây dựng mô hình thí điểm	64.835.000		64.835.000		Điều chỉnh chuyển sang nội dung thành phần số 8

STT	Đơn vị	Số dự dự toán năm 2025 chuyển sang năm 2026	Kinh phí tiếp tục thực hiện các Dự án, tiểu dự án GD 21-25. Hoàn thành trong năm 2026	Kinh phí các Dự án, tiểu dự án không thực hiện được. Điều chỉnh chuyển sang các Dự án khác. Cam kết hoàn thành trong năm 2026	Kinh phí còn lại sau điều chỉnh	Ghi chú
6	Nội dung thành phần 11: Hỗ trợ đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực; truyền thông, thông tin tuyên truyền; giám sát đánh giá	26.018.800	25.407.800	611.000	25.407.800	UBMT cam kết thực hiện và giải ngân xong trước 30/6/2026
III	Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS và MN	5.566.822.720	5.463.422.720	103.400.000	5.566.822.720	
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	247.000.000	143.600.000	103.400.000	143.600.000	Phòng Kinh tế rà soát hỗ trợ máy móc chuyển đổi nghề 89,6 triệu và hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán 54 triệu, vốn còn lại điều chỉnh chuyển sang dự án 6
2	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	1.711.955.720	1.711.955.720		1.711.955.720	Phòng Kinh tế thực hiện mô hình nuôi Hươu
3	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc	3.576.764.760	3.576.764.760		3.576.764.760	Đã bố trí cho các công trình, phòng Kinh tế tiếp tục thực hiện
4	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch	309.160	309.160		103.709.160	Phòng VH-XH tổ chức Ngày hội văn hóa truyền thống người Bhnong (Giê Triêng) năm 2026
5	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ 2em	12.011.240	12.011.240		12.011.240	UBMT cam kết thực hiện và giải ngân xong trước 31/7/2026
6	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	18.781.840	18.781.840		18.781.840	UBMT cam kết thực hiện và giải ngân xong trước 31/7/2026